

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày: 23 – 6 – 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui và
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2021/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp Hợp đồng góp hui và vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 472/2022/TB-TA, ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh ngày 01/01/1969; Địa chỉ: Số 698, Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Phương T và ông Phạm Thế N

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Châu Thị Mỹ D

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp Y, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 17/11/2021, Biên bản hòa giải ngày 28/12/2021 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Lê Thị Đ trình bày:*

Nguyên bà làm đầu thảo hụi, bà Trương Thị Phương T và ông Phạm Thế N là hụi viên có tham gia 02 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 3.000.000 đồng, bốn tháng khui một lần, mở ngày 25/11/2018 âm lịch, mãn ngày 25/11/2024 âm lịch, có 19 chung, bà T, ông N tham gia 01 chung, hốt đầu và đóng lại hụi chết cho bà được 03 lần = 9.000.000 đồng. Từ vụ tháng 3/2020 âm lịch cho đến vụ tháng 7/2021 âm lịch, bà T, ông N không đóng hụi chết cho bà là 05 vụ x 3.000.000 đồng = 15.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại 10 lần khui nữa mới mãn, như vậy, bà T, ông N còn nợ bà 15.000.000 đồng. Bà phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà T và ông N.

Dây 2: Hụi mùa 5.000.000 đồng, bốn tháng khui một lần, mở ngày 25/11/2019 âm lịch, mãn ngày 25/11/2024 âm lịch, có 16 chung, bà T, ông N tham gia 01 chung và hốt đầu. Sau khi hốt hụi, bà T, ông N không đóng hụi chết cho bà, từ vụ tháng 3/2020 âm lịch cho đến vụ tháng 7/2021 âm lịch, bà T, ông N không đóng hụi chết cho bà là 05 vụ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại 10 lần khui nữa mới mãn, như vậy, bà T, ông N còn nợ bà 25.000.000 đồng. Bà phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà T và ông N.

Tổng cộng 02 dây hụi nêu trên, bà T và ông N còn nợ bà là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 30/12/2018 âm lịch, ông N có mượn của bà 39.000.000 đồng, không tính lãi (ông N có viết giấy cho bà). Bà T có hỏi vay của bà nhiều lần, tổng cộng 24.000.000 đồng (bà T có viết giấy cho bà). Bà T viết giấy vay dùm cho mẹ chồng 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K.

Nay, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Trương Thị Phương T và ông Phạm Thế N có trách nhiệm trả lại bà tổng số tiền là 103.000.000 đồng (40.000.000 đồng tiền hụi và tiền vay là 63.000.000 đồng). Đồng thời yêu cầu buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà 23.000.000 đồng (8.000.000 đồng tiền vay và 03 chỉ vàng 24K, tạm tính giá vàng là 5.000.000 đồng/chỉ).

**Theo Biên bản hòa giải ngày 28/12/2021, bị đơn ông Phạm Thế N trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày nêu trên của Bà Lê Thị Đ, ông thừa nhận vợ chồng ông có tham gia chơi hụi và còn nợ bà Đ số tiền nêu trên. Ngoài ra, vợ chồng ông cũng có vay của bà Đ 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc buộc vợ chồng ông trả 103.000.000 đồng tiền hụi, 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K tiền nợ vay, ông cũng đồng ý trả phân

nửa, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ và vợ ông, bà T, cũng phải có nghĩa vụ trả phân nửa số nợ này cho bà Đ.

**Theo Biên bản hòa giải ngày 28/12/2021, bị đơn bà Trương Thị Phương T trình bày:*

Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ, vì bà không có tham gia chơi hai dây hụi mà bà Đ khởi kiện, mà do mẹ chồng bà tham gia chơi (bà Châu Thị Mỹ D). Bà chỉ thừa nhận có nhận của bà Đ 14.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K, nhưng nhận thay mẹ chồng bà (bà D).

Ngoài ra, bà thừa nhận có ký tên vào giấy hốt dây hụi mùa 3.000.000 đồng, gồm có 19 người, hốt đầu tháng 11/2018, còn đóng lại 54.000.000 đồng (viết theo nội dung bà Đ đọc cho bà ghi), nhưng thực tế bà không có nhận số tiền hụi nào của bà Đ.

**Theo Biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Mỹ D trình bày:*

Bà không có tham chơi hụi theo như lời trình bày của bà Trương Thị Phương T, mà hụi là do bà T chơi với Bà Lê Thị Đ chứ không phải bà. Còn số tiền 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K thì bà thừa nhận có kêu bà T vay dùm bà, bà đồng ý trả số vàng 03 chỉ 24K và 8.000.000 đồng này cho bà Đ, nhưng bà xin được trả dần.

**Theo các biên bản lấy lời khai cùng ngày 08/4/2022, những người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim C và bà Nguyễn Thị K đều trình bày:* Các bà có tham gia chơi hụi mùa do Bà Lê Thị Đ làm chủ, còn việc vợ chồng bà Trương Thị Phương T, ông Phạm Thế N có tham gia chơi chung hay không và có hốt hụi hay chưa, các bà đều không biết.

**Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, đương sự là các ông, bà Trương Thị Phương T, Phạm Thế N và Châu Thị Mỹ D đều vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; Những người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim C và bà Nguyễn Thị K đều vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, nhưng họ đã có lời khai được Tòa án thu thập. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

- Về nội dung:

[2] Nguyên đơn cho rằng các bị đơn có tham gia chơi hụi (theo các dây hụi nêu trên) và còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 40.000.000 đồng, ngoài ra các bị đơn có làm giấy viết tay mượn của nguyên đơn tổng cộng 63.000.000 đồng; bị đơn bà T có làm giấy viết tay vay dùm cho bà D 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K. Ngược lại, bị đơn bà T thừa nhận có ký tên vào giấy hốt dây hụi mùa 3.000.000 đồng vào đầu tháng 11/2018, gồm có 19 người, còn đóng lại 54.000.000 đồng, nhưng bà T cho rằng không có nhận tiền hụi của bà Đ, vì không có tham gia chơi, mà bà T chỉ thừa nhận có nhận thay cho mẹ chồng (bà D) 14.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K.

[3] Bị đơn ông N thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Bà Lê Thị Đ về việc vợ chồng ông có tham gia chơi hụi và còn nợ bà Đ số tiền hụi 40.000.000 đồng. Vợ chồng ông cũng có vay của bà Đ 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc buộc vợ chồng ông trả 103.000.000 đồng tiền hụi và 8.000.000 đồng, 03 chỉ vàng 24K tiền nợ vay, ông cũng đồng ý trả phân nửa, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ; vợ ông, bà T, cũng phải có nghĩa vụ trả phân nửa số nợ này cho bà Đ.

[4] Bà Châu Thị Mỹ D cho rằng không có tham chơi hụi theo như lời trình bày của bà Trương Thị Phương T, mà hụi là do bà T chơi với Bà Lê Thị Đ, chứ không phải bà. Còn số tiền 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K thì bà thừa nhận có kêu bà T vay dùm bà, bà đồng ý trả cho bà Đ, nhưng bà xin được trả dần.

[5] Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn bà T cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là đúng sự thật, theo nội dung Công văn số 43/CV-TA, ngày 12/01/2022. Nhưng cho đến nay, bị đơn bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

[6] Tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp;

Khoản 2: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó;

Khoản 4: Dương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[7] Vì vậy, có căn cứ xác định các bị đơn T và N còn nợ nguyên đơn số tiền hui 40.000.000 đồng và số tiền vay 63.000.000 đồng, đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, còn số tiền vay 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K, bị đơn bà T có nhận nhưng cho rằng nhận thay cho bà D, bị đơn ông N cũng đồng ý trả số nợ này cùng với bị đơn T, cho nên. Cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà T và ông N phải có nghĩa vụ trả số tiền hui 40.000.000 đồng và tiền vay 86.900.000 đồng (bao gồm 03 chỉ vàng 24K thành tiền là 15.900.000 đồng, tính theo giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 5.300.000 đồng/chỉ), tổng cộng là 126.900.000 đồng, cụ thể bà T và ông N mỗi người có nghĩa vụ trả phân nửa số tiền này cho bà Đ.

[8] Đối với số tiền vay 8.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K, các bị đơn có quyền khởi kiện bà Châu Thị Mỹ D trong vụ án khác, nếu hai bên có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Đề nghị của Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bà T và ông N phải chịu án phí có giá ngạch là 126.900.000 đồng x 5% = 6.345.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ, buộc bà Trương Thị Phương T và ông Phạm Thế N phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ tổng số tiền hội và vay là 126.900.000 đồng, trong đó bà T và ông N mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 63.450.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.150.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001469, ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc bà T và ông N mỗi người phải chịu 3.172.500 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Vinh Thắng